

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THÔNG TIN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG KẾT NỐI CHIA SẺ QUA CÔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA**

| Stt        | Loại thông tin                                                                                                                                               | Chi tiết thông tin                                                                                              | Hình thức cập nhật, trao đổi, chia sẻ                                    |                                                                                                         |                                                                                                                   | Thời điểm cập nhật                                         | Bắt buộc                                                               | Mục đích sử dụng                                                                                                              | Quy định hiện hành có liên quan         | Đánh giá                                                                   | Đơn vị sử dụng                                                        | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|
|            | <i>(Thông tin các Bộ, Ngành, UBND, các Tổ chức trao đổi, chia sẻ)</i>                                                                                        | <i>(Các chỉ tiêu cho từng loại thông tin)</i>                                                                   | <i><b>Tự động</b><br/>(Tự động chia sẻ thông tin với hệ thống 1 cửa)</i> | <i><b>Truy vấn</b><br/>(Chức năng trên hệ thống một cửa để tìm kiếm, khai thác, kết xuất thông tin)</i> | <i><b>Cập nhật trực tiếp</b><br/>(Chức năng trên hệ thống 1 cửa để các Bộ/Ngành cập nhật thông tin trực tiếp)</i> | <i>(Quy định rõ thời điểm cập nhật, chia sẻ thông tin)</i> | <i>(Bắt buộc phải cung cấp, chia sẻ, cập nhật trên hệ thống 1 cửa)</i> | <i>(Mục đích sử dụng của các đơn vị Vụ/Cục đối với từng loại thông tin của Bộ/ Ngành/UBND và các Tổ chức)</i>                 | <i>(Cơ sở pháp lý của việc đề xuất)</i> | <i>(Đánh giá mức độ phù hợp về nội dung, cấp độ văn bản, kiến nghị...)</i> | <i>(Bộ/ Ngành được phép khai thác sử dụng) - Xem tại file Bảng mã</i> |         |
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                                                                                                                                                   | <i>(3)</i>                                                                                                      | <i>(4)</i>                                                               | <i>(5)</i>                                                                                              | <i>(6)</i>                                                                                                        | <i>(7)</i>                                                 | <i>(8)</i>                                                             | <i>(9)</i>                                                                                                                    | <i>(10)</i>                             | <i>(11)</i>                                                                | <i>(12)</i>                                                           |         |
| <b>1</b>   | <b>Thông tin hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu</b><br>Hóa chất Bảng 1; Danh mục hóa chất cấm; Hàng tiêu dùng, thiết bị y tế, phương tiện đã qua sử dụng; ... | Nhóm mặt hàng                                                                                                   | x                                                                        | x                                                                                                       |                                                                                                                   | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày                       | x                                                                      | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành |                                         | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định                       | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21                |         |
|            |                                                                                                                                                              | Tên hàng hóa <i>(theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)</i>                                                   | x                                                                        | x                                                                                                       |                                                                                                                   | nt                                                         | x                                                                      | nt                                                                                                                            | nt                                      | nt                                                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21                |         |
|            |                                                                                                                                                              | Mã HS <i>(theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành)</i>                                                          | x                                                                        | x                                                                                                       |                                                                                                                   | nt                                                         | x                                                                      | nt                                                                                                                            | nt                                      | nt                                                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21                |         |
|            |                                                                                                                                                              | Lĩnh vực XNK <i>(XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)</i>                                                           | x                                                                        | x                                                                                                       |                                                                                                                   | nt                                                         | x                                                                      | nt                                                                                                                            | nt                                      | nt                                                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21                |         |
|            |                                                                                                                                                              | Các thông tin xác định đối tượng quản lý <i>(Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng, ....)</i> | x                                                                        | x                                                                                                       |                                                                                                                   | nt                                                         | x                                                                      | nt                                                                                                                            | nt                                      | nt                                                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21                |         |
|            |                                                                                                                                                              | Các trường hợp loại trừ                                                                                         | x                                                                        | x                                                                                                       |                                                                                                                   | nt                                                         | x                                                                      | nt                                                                                                                            | nt                                      | nt                                                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21                |         |
|            |                                                                                                                                                              | Văn bản quy định <i>(Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...)</i>                   | x                                                                        | x                                                                                                       |                                                                                                                   | nt                                                         | x                                                                      | nt                                                                                                                            | nt                                      | nt                                                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21                |         |

|   |                                                          |                                                                                                                   |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                       |  |
|---|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|
|   |                                                          | Tình trạng hiệu lực ( <i>Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực, ....</i> )                                 | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
| 2 | <b>Thông tin hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu</b> | Nhóm mặt hàng                                                                                                     | x | x | x | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Tên hàng hóa ( <i>theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành</i> )                                                   | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Mã HS ( <i>theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành</i> )                                                          | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Lĩnh vực XNK ( <i>XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...</i> )                                                           | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Các thông tin xác định đối tượng quản lý ( <i>Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng, ....</i> ) | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Các trường hợp loại trừ                                                                                           | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Văn bản quy định ( <i>Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...</i> )                   | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Tình trạng hiệu lực ( <i>Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực, ....</i> )                                 | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                          | Lý do/ mục đích tạm ngừng XNK                                                                                     | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                  |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 3 | <b>Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép</b><br>- Nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;<br>- Nhập khẩu kim cương thô;<br>- Xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp;<br>- Xuất,nhập khẩu Tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp;<br>- Xuất, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ;<br>- Xuất, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3<br>- Xuất nhập khẩu mô tô phân khối lớn<br>- Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá, máy móc, thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá .<br>- Xuất, nhập khẩu hàng hóa khác (nếu có) | Loại giấy phép ( <i>phân loại tùy thuộc theo tiêu chí của các Bộ/ngành</i> )                                     | x | x | x | Y. Tải theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhóm mặt hàng                                                                                                    | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tên hàng hóa ( <i>theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành</i> )                                                  | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã HS ( <i>theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành</i> )                                                         | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                                   | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Các thông tin xác định đối tượng quản lý ( <i>Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,....</i> ) | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Các trường hợp loại trừ                                                                                          | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Văn bản quy định ( <i>Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...</i> )                  | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|   |                                                                                         |                                                                                                                                                |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                      |                                                       |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                         | Tình trạng hiệu lực ( <i>Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực, ....</i> )                                                              | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                                         | Thời hạn áp dụng                                                                                                                               | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                                         | Thời gian gia hạn                                                                                                                              | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
| 4 | <b>Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành theo quy định</b> | Loại kiểm tra ( <i>Kiểm tra chất lượng, Kiểm dịch, Kiểm tra an toàn thực phẩm, dân nhân năng lượng, ...hiệu suất năng lượng tối thiểu...</i> ) | x | x |   | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>6. Cải cách số 5 tại Điểm đ khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                                         | Nhóm mặt hàng                                                                                                                                  | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                                         | Tên hàng hóa ( <i>theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành</i> )                                                                                | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                                         | Mã HS ( <i>theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành</i> )                                                                                       | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                                         | Lĩnh vực XNK ( <i>XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...</i> )                                                                                        | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|   |                                                             |                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|---|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
|   |                                                             | Các thông tin xác định đối tượng quản lý ( <i>Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,....</i> )                                                                                      | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                             | Các điều kiện cần đáp ứng (nếu có) : <i>Đáp ứng tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật,TCVN,QCVN....</i>                                                                                                       | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                             | Các trường hợp loại trừ                                                                                                                                                                               | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                             | Văn bản quy định ( <i>Số hiệu văn bản, ngày văn bản , điều khoản quy định về chính sách...</i> )                                                                                                      | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                             | Tình trạng hiệu lực ( <i>Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực,....</i> )                                                                                                                      | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
| 5 | <b>Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện</b> | Loại điều kiện ( <i>điều kiện XNK, điều kiện kỹ thuật, nguồn gốc hàng hóa, khai báo hóa chất, chứng nhận lưu hành, phê duyệt mẫu, kiểm nghiệm cơ sở sản xuất, giấy phép khai thác/ tận thu, ...</i> ) | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                             | Nhóm mặt hàng                                                                                                                                                                                         | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                             | Tên hàng hóa ( <i>theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành</i> )                                                                                                                                       | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|  |  |                                                                                                         |   |   |  |    |   |    |    |    |                                                        |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|----|---|----|----|----|--------------------------------------------------------|--|
|  |  | Mã HS (theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành)                                                         | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                          | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Các thông tin xác định đối tượng quản lý (Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,....) | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Các trường hợp loại trừ                                                                                 | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Văn bản quy định (Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...)                  | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Tình trạng hiệu lực (Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực,....)                                 | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Thời hạn áp dụng                                                                                        | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Thời gian gia hạn                                                                                       | x | x |  | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|   |                                                                        |                                                                                                         |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|---|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 6 | Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt | Phương thức kiểm tra                                                                                    | x | x | x | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                        | Nội dung yêu cầu kiểm tra                                                                               | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                        | Nhóm mặt hàng                                                                                           | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                        | Tên hàng hóa (theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)                                                  | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                        | Mã HS (theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành)                                                         | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                        | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                          | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                        | Các thông tin xác định đối tượng quản lý (Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,....) | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                        | Các trường hợp loại trừ                                                                                 | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|   |                                                                       |                                                                                                 |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                       |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                       | Văn bản quy định ( <i>Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...</i> ) | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                       | Tình trạng hiệu lực ( <i>Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực, ....</i> )               | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                       | Thời hạn áp dụng                                                                                | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
| 7 | <b>Thông tin hàng hóa quản lý theo hạn ngạch/ hạn ngạch thuế quan</b> | Loại hạn ngạch ( <i>hạn ngạch XNK, hạn ngạch thuế quan</i> )                                    | x | x |   | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                       | Nhóm mặt hàng                                                                                   | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                       | Tên hàng hóa ( <i>theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành</i> )                                 | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                       | Mã HS ( <i>theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành</i> )                                        | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|   |                                                                       | Lĩnh vực XNK ( <i>XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...</i> )                                         | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|   |                                                                                                         |                                                                                                                  |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                         | Các thông tin xác định đối tượng quản lý ( <i>Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,....</i> ) | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                         | Nội dung quy định về hạn ngạch ( <i>lượng hạn ngạch XNK, lượng hạn ngạch theo thuế suất...</i> )                 | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                         | Các trường hợp loại trừ                                                                                          | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                         | Văn bản quy định ( <i>Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...</i> )                  | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                         | Thời hạn áp dụng                                                                                                 | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                         | Thời gian gia hạn                                                                                                | x | x |   | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
| 8 | <b>Thông tin hàng hóa chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu</b><br>- Nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà | Mã số thuế doanh nghiệp                                                                                          | x | x | x | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|   |                                                                                                         | Tên doanh nghiệp                                                                                                 | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|   |                                                                                        |                                                                                                                          |   |   |   |                                         |   |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                        |                                                                    |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|-----------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                        | Nhóm mặt hàng                                                                                                            | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Tên hàng hóa (theo đối<br>tượng quản lý của các<br>Bộ/ngành)                                                             | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Mã HS (theo Danh mục<br>hàng hóa XNK VN hiện<br>hành)                                                                    | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Lĩnh vực XNK (XK, NK,<br>QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                                        | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Các thông tin xác định đối<br>tượng quản lý (Xuất xứ,<br>phẩm cấp, tính chất hàng<br>hóa, mục đích sử dụng,....)         | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Các trường hợp loại trừ                                                                                                  | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Văn bản quy định (Số hiệu<br>văn bản, ngày văn bản,<br>điều khoản quy định về<br>chính sách...)                          | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Thời hạn áp dụng                                                                                                         | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Thời gian gia hạn                                                                                                        | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
| 9 | Thông tin hàng hoá xuất<br>khẩu, nhập khẩu áp dụng<br>biện pháp phòng vệ thương<br>mại | Loại biện pháp phòng vệ<br>thương mại (thuế chống bán<br>phá giá, thuế tự vệ, thuế<br>chống trợ cấp, chống lẩn<br>tránh) | x | x | x | Y. Tái theo lô dữ<br>liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại<br>rủi ro, phân luồng,<br>kiểm tra, giám sát<br>trong thủ tục hải<br>quan và hàng hóa<br>thuộc diện quản lý<br>chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày<br>21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện<br>pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm<br>tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số<br>126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy<br>định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế | Đã có<br>nhưng<br>chưa chi<br>tiết. Đề<br>nghị đưa<br>vào Nghị<br>định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|   |                                                                                        | Nhóm mặt hàng                                                                                                            | x | x | x | nt                                      | x | nt                                                                                                                                              | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |

|    |                                         |                                                                                         |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                        |  |
|----|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
|    |                                         | Tên hàng hóa (theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)                                  | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Mã HS (theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành)                                         | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                          | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Các thông tin xác định đối tượng quản lý (Xuất xứ, mức thuế, mô tả, đặc tính hàng hoá.) | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Nội dung quy định về biện pháp phòng vệ (mức thuế suất,                                 |   |   |   |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                        |  |
|    |                                         | Các trường hợp loại trừ                                                                 | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Hồ sơ phải nộp, kiểm tra                                                                | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Văn bản quy định (Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...)  | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Tình trạng hiệu lực (Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực,....)                 | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Thời hạn áp dụng                                                                        | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                         | Thời gian gia hạn                                                                       | x | x | x | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
| 10 | Thông tin hàng hóa, đối tượng miễn thuế | Loại miễn thuế                                                                          | x | x |   | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|  |  |                                                                                                         |   |   |  |    |   |    |    |                                                        |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|----|---|----|----|--------------------------------------------------------|--|
|  |  | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                          | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Điều kiện miễn thuế                                                                                     | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Tên hàng hóa (theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)                                                  | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Mã HS (theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành)                                                         | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Các thông tin xác định đối tượng quản lý (Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,....) | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Các trường hợp loại trừ                                                                                 | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Văn bản quy định (Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...)                  | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Tình trạng hiệu lực (Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực,....)                                 | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Thời hạn áp dụng                                                                                        | x | x |  | nt | x | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                    |                                                                                                                                          |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                        |  |
|----|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 11 | Thông tin về quy trình, thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu | Loại giấy phép                                                                                                                           | x | x |  | Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                    | Trạng thái cấp (Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...)                                                                                       | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                    | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                                                           | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                    | Đối tượng quản lý (Doanh nghiệp/Hàng hóa )                                                                                               | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                    | Loại hồ sơ phải nộp (Liệt kê các loại hồ sơ phải nộp, Ký hiệu của các mẫu biểu (nếu có))                                                 | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                    | Quy định về nộp hồ sơ (Gồm thông tin văn bản, điều khoản quy định về nộp hồ sơ)                                                          | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                    | Quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận (Gồm thông tin: văn bản, điều khoản quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận) | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                      |                                                        |  |
|----|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 12 | <b>Thông tin về quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận/ xác nhận</b> | Loại giấy chứng nhận/ xác nhận: <i>(Chứng nhận lưu hành, đủ điều kiện, hợp quy, C/O, tự chứng nhận C/O, xuất xứ hàng hóa, miễn kiểm tra chuyên ngành, phê duyệt mẫu, phê duyệt nội dung, cho phép XNK, cấp số định mức miễn thuế,... )</i> | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                      | Trạng thái cấp <i>(Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...)</i>                                                                                                                                                                                  | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                      | Lĩnh vực XNK <i>(XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)</i>                                                                                                                                                                                      | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                      | Đối tượng quản lý <i>(Doanh nghiệp/Hàng hóa )</i>                                                                                                                                                                                          | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                      | Loại hồ sơ phải nộp <i>(Liệt kê các loại hồ sơ phải nộp, Ký hiệu của các mẫu biểu (nếu có))</i>                                                                                                                                            | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                      | Quy định về nộp hồ sơ <i>(Gồm thông tin văn bản, điều khoản quy định về nộp hồ sơ)</i>                                                                                                                                                     | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                      | Quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận <i>(Gồm thông tin: văn bản, điều khoản quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận)</i>                                                                                            | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                                                |                                                                                                                                                   |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                        |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 13 | <b>Thông tin về quy trình, thủ tục cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu/ hạn ngạch thuế quan</b> | Loại hạn ngạch ( <i>hạn ngạch XNK, hạn ngạch thuế quan</i> )                                                                                      | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                | Trạng thái cấp ( <i>Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...</i> )                                                                                       | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                | Lĩnh vực XNK ( <i>XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...</i> )                                                                                           | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                | Đối tượng quản lý ( <i>Doanh nghiệp/Hàng hóa</i> )                                                                                                | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                | Loại hồ sơ phải nộp ( <i>Liệt kê các loại hồ sơ phải nộp, Ký hiệu của các mẫu biểu (nếu có)</i> )                                                 | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                | Quy định về nộp hồ sơ ( <i>Gồm thông tin văn bản, điều khoản quy định về nộp hồ sơ</i> )                                                          | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                | Quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận ( <i>Gồm thông tin: văn bản, điều khoản quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận</i> ) | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                                                                    |                                                                                                                                          |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 14 | Thông tin về quy trình, thủ tục cấp chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu:<br>- Nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà | Loại chỉ định                                                                                                                            | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                    | Trạng thái cấp (Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...)                                                                                       | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                    | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                                                           | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                    | Đối tượng quản lý (Doanh nghiệp/Hàng hóa )                                                                                               | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                    | Tên doanh nghiệp                                                                                                                         | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                    | Loại hồ sơ phải nộp (Liệt kê các loại hồ sơ phải nộp, Ký hiệu của các mẫu biểu (nếu có))                                                 | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                    | Quy định về nộp hồ sơ (Gồm thông tin văn bản, điều khoản quy định về nộp hồ sơ)                                                          | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                    | Quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận (Gồm thông tin: văn bản, điều khoản quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận) | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                             |                                                                                                                                                   |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                      |                                                        |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 15 | Thông tin về quy trình, thủ tục đăng ký kiểm tra chuyên ngành theo quy định | Loại kiểm tra ( <i>Kiểm tra chất lượng, Kiểm dịch, Kiểm tra an toàn thực phẩm, dân nhân năng lượng, ...hiệu suất năng lượng tối thiểu...</i> )    | x | x |  | Y. Tải theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>7. Cải cách số 5 tại Điểm đ khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                             | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                                                                    | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                             | Tên hàng hóa ( <i>theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành</i> )                                                                                   | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                             | Đối tượng quản lý ( <i>Doanh nghiệp/Hàng hóa</i> )                                                                                                | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                             | Loại hồ sơ phải nộp ( <i>Liệt kê các loại hồ sơ phải nộp, Ký hiệu của các mẫu biểu (nếu có)</i> )                                                 | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                             | Quy định về nộp hồ sơ ( <i>Gồm thông tin văn bản, điều khoản quy định về nộp hồ sơ</i> )                                                          | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                             | Quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận ( <i>Gồm thông tin: văn bản, điều khoản quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận</i> ) | x | x |  | nt                                   | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                         |                                                                                                 |   |   |   |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                           |  |
|----|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--|
| 16 | Thông tin về kết quả cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu | Loại giấy phép                                                                                  | x | x | x | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Trạng thái cấp ( <i>Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...</i> )                                     | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Lĩnh vực XNK ( <i>XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...</i> )                                         | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Đối tượng quản lý ( <i>Doanh nghiệp/Hàng hóa</i> )                                              | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Số tiếp nhận/ đăng ký                                                                           | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Kết quả chung ( <i>Đạt; Phù hợp; Được cấp:... / Không đạt; Không phù hợp; Từ chối cấp;...</i> ) | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Nội dung giấy phép                                                                              | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Lý do không tiếp nhận/ trả lại,... và yêu cầu bổ sung (nếu có)                                  | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                         | Thông tin liên quan khác (nếu có)                                                               | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,1 5,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|    |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |  |                                                                                                                                                                            |   |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                        |                                                                    |  |
|----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--|
|    |                                                       | Văn bản trả lời kết quả<br>(Gồm thông tin văn bản, số<br>giấy phép, cơ quan ban<br>hành)                                                                                                                                                                    | x | x |  | nt                                                                                                                                                                         | x | nt                                                                                                                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
| 17 | Thông tin về kết quả cấp<br>giấy chứng nhận/ xác nhận | Loại giấy chứng nhận/ xác<br>nhận: (Chứng nhận lưu<br>hành, đủ điều kiện, hợp quy,<br>C/O, tự chứng nhận C/O,<br>xuất xứ hàng hóa, miễn<br>kiểm tra chuyên ngành, phê<br>duyet mẫu, phê duyệt nội<br>dung, cho phép XNK, cấp số<br>định mức miễn thuế,... ) | x | x |  | X. Thời gian thực<br>24/7; ngay khi có<br>quyết định,<br>kết luận, giấy<br>phép/chứng nhận<br>được cấp, thu hồi<br>hoặc cập nhật,<br>cảnh báo hoặc khi<br>có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện<br>cho nhà nhập khẩu,<br>xuất khẩu và tổ<br>chức thương mại tra<br>cứu thông tin hướng<br>dẫn và thực hiện<br>các thủ tục hành<br>chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày<br>21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện<br>pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm<br>tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-<br>CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành<br>chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa<br>Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất<br>khẩu, nhập khẩu<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-<br>CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành<br>chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa<br>Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất<br>khẩu, nhập khẩu<br>6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-<br>CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành<br>chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa<br>Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất<br>khẩu, nhập khẩu | Đã có<br>nhưng<br>chưa chi<br>tiết. Đề<br>nghị đưa<br>vào Nghị<br>định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                       | Trạng thái cấp (Cấp mới;<br>Gia hạn; Hủy/ thu hồi...)                                                                                                                                                                                                       | x | x |  | nt                                                                                                                                                                         | x | nt                                                                                                                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                       | Lĩnh vực XNK (XK, NK,<br>QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                                                                                                                                                                           | x | x |  | nt                                                                                                                                                                         | x | nt                                                                                                                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                       | Đối tượng quản lý (Doanh<br>nghiệp/Hàng hóa )                                                                                                                                                                                                               | x | x |  | nt                                                                                                                                                                         | x | nt                                                                                                                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                       | Số tiếp nhận/ đăng ký                                                                                                                                                                                                                                       | x | x |  | nt                                                                                                                                                                         | x | nt                                                                                                                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                       | Kết quả chung (Đạt; Phù<br>hợp; Được cấp:... / Không<br>đạt; Không phù hợp; Từ<br>chối cấp;...)                                                                                                                                                             | x | x |  | nt                                                                                                                                                                         | x | nt                                                                                                                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                       | Nội dung chứng nhận/ xác<br>nhận                                                                                                                                                                                                                            | x | x |  | nt                                                                                                                                                                         | x | nt                                                                                                                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |

|    |                                                         |                                                                                 |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                       |  |
|----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|
|    |                                                         | Lý do không tiếp nhận/ trả lại,... và yêu cầu bổ sung (nếu có)                  | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                         | Thông tin liên quan khác (nếu có)                                               | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                         | Văn bản trả lời kết quả (Gồm thông tin văn bản, số giấy phép, cơ quan ban hành) | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
| 18 | Thông tin về kết quả cấp hạn ngạch/ hạn ngạch thuế quan | Loại hạn ngạch (hạn ngạch XNK, hạn ngạch thuế quan)                             | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                         | Trạng thái cấp (Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...)                              | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                         | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                  | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                         | Đối tượng quản lý (Doanh nghiệp/Hàng hóa )                                      | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                         | Số tiếp nhận/ đăng ký                                                           | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|    |                                                                                                           |                                                                                                  |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                       |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                                           | Kết quả chung ( <i>Đạt; Phù hợp; Được cấp;... / Không đạt; Không phù hợp; Từ chối cấp;...</i> )  | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                           | Nội dung quy định về hạn ngạch ( <i>lượng hạn ngạch XNK, lượng hạn ngạch theo thuế suất...</i> ) | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                           | Lý do không tiếp nhận/ trả lại,... và yêu cầu bổ sung (nếu có)                                   | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                           | Thông tin liên quan khác (nếu có)                                                                | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                           | Văn bản trả lời kết quả ( <i>Gồm thông tin văn bản, số giấy phép, cơ quan ban hành</i> )         | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
| 19 | <b>Thông tin về kết quả chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu</b><br>- Nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà | Tên doanh nghiệp                                                                                 | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                           | Mã số thuế doanh nghiệp                                                                          | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                           | Trạng thái cấp ( <i>Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...</i> )                                      | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                           | Lĩnh vực XNK ( <i>XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...</i> )                                          | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|    |                                                          |                                                                                                                                      |   |   |   |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|----|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
|    |                                                          | Đối tượng quản lý (Doanh nghiệp/Hàng hóa )                                                                                           | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                          | Số tiếp nhận/ đăng ký                                                                                                                | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                          | Kết quả chung (Đạt; Phù hợp; Được cấp;... / Không đạt; Không phù hợp; Từ chối cấp;...)                                               | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                          | Nội dung chỉ định                                                                                                                    | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                          | Lý do không tiếp nhận/ trả lại,... và yêu cầu bổ sung (nếu có)                                                                       | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                          | Thông tin liên quan khác (nếu có)                                                                                                    | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                          | Văn bản trả lời kết quả (Gồm thông tin văn bản, số giấy phép, cơ quan ban hành)                                                      | x | x |   | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
| 20 | Thông tin về kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định | Loại kiểm tra (Kiểm tra chất lượng, Kiểm dịch, Kiểm tra an toàn thực phẩm, dân nhân năng lượng,...hiệu suất năng lượng tối thiểu...) | x | x | x | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                          | Trạng thái cấp (Cấp mới; Gia hạn; Hủy/ thu hồi...)                                                                                   | x | x | x | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                            | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|  |  |                                                                                           |   |   |   |    |   |    |    |    |                                                        |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|----|---|----|----|----|--------------------------------------------------------|--|
|  |  | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                            | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Đối tượng quản lý (Doanh nghiệp/Hàng hóa )                                                | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Số tiếp nhận/ đăng ký                                                                     | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Kết quả kiểm tra (Đạt; Phù hợp; Được cấp:... / Không đạt; Không phù hợp; Từ chối cấp;...) | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Nội dung kết quả kiểm tra                                                                 | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Lý do không tiếp nhận/ trả lại,... và yêu cầu bổ sung (nếu có)                            | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Thông tin liên quan khác (nếu có)                                                         | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|  |  | Văn bản trả lời kết quả (Gồm thông tin văn bản, số giấy phép, cơ quan ban hành)           | x | x | x | nt | x | nt | nt | nt | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                                           |                                                                                        |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                        |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 21 | <b>Thông tin về tổ chức chứng nhận, giám định, đánh giá sự phù hợp, cơ sở kiểm nghiệm</b> | Loại tổ chức                                                                           | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu<br>6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                           | Tên tổ chức                                                                            | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                           | Địa chỉ                                                                                | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                           | Số điện thoại liên hệ                                                                  | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                           | Phạm vi chứng nhận, giám định, đánh giá                                                | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                           | Văn bản quy định (Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...) | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                          |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|
| 22 | <b>Thông tin cảnh báo rủi ro</b>                                                                                                                                 | Lĩnh vực có rủi ro/vi phạm (nguy cơ vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm ; nguy cơ vi phạm về áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại ; gian lận xuất xứ hàng hóa, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ....) | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành       | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 2,11                                                     |  |
|    |                                                                                                                                                                  | Đối tượng có rủi ro                                                                                                                                                                                                   | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 2,11                                                     |  |
|    |                                                                                                                                                                  | Nội dung cảnh báo rủi ro                                                                                                                                                                                              | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 2,11                                                     |  |
|    |                                                                                                                                                                  | Biện pháp quản lý                                                                                                                                                                                                     | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 2,11                                                     |  |
|    |                                                                                                                                                                  | Thông tin liên quan khác (nếu có)                                                                                                                                                                                     | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 2,11                                                     |  |
|    |                                                                                                                                                                  | Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin                                                                                                                                                                                   | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 2,11                                                     |  |
|    |                                                                                                                                                                  | Văn bản cung cấp thông tin                                                                                                                                                                                            | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 2,11                                                     |  |
| 23 | <b>Thông tin về Tổ chức có thẩm quyền của nước đã ký kết Điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành mà Việt Nam là thành viên</b> | Loại kiểm tra ( <i>Kiểm tra chất lượng, Kiểm dịch, Kiểm tra an toàn thực phẩm, dân nhân năng lượng, ...hiệu suất năng lượng tối thiểu...</i> )                                                                        | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|    |                                                               |                                                                                               |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                                    |  |
|----|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--|
|    |                                                               | Tên tổ chức                                                                                   | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                               | Địa chỉ                                                                                       | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                               | Số điện thoại liên hệ                                                                         | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                               | Tên hàng hóa <i>(theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)</i>                                 | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                               | Văn bản quy định <i>(Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...)</i> | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
| 24 | <b>Thông tin về cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng</b> | Tên cơ sở                                                                                     | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                               | Tên hàng hóa <i>(theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)</i>                                 | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                               | Hệ thống chất lượng áp dụng                                                                   | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |
|    |                                                               | Văn bản quy định <i>(Số hiệu văn bản, ngày văn bản, điều khoản quy định về chính sách...)</i> | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,<br>10,11,12,13,14,1<br>5,16,17,18,19,<br>20, 21 |  |

|    |                                                                                                                                 |                                                                                                        |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 25 | <b>Thông tin đánh giá mức độ rủi ro đối với hàng hóa, doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành</b> | Tên hàng hóa (theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)                                                 | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                                 | Mã HS (theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành)                                                        | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                                 | Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)                                                         | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                                 | Các thông tin xác định đối tượng quản lý (Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,...) | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                                 | Mức độ rủi ro                                                                                          | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                                 | Lý do phân loại rủi ro                                                                                 | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                                 | Đơn vị yêu cầu phân loại                                                                               | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                                                                 | Số văn bản ban hành kết quả phân loại                                                                  | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                                             |                                             |   |   |  |                                      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                      |                                                        |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---|---|--|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 26 | Thông tin doanh nghiệp đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa quản lý chuyên ngành      | Lĩnh vực kinh doanh, ngành hàng             | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                             | Tên doanh nghiệp (cơ sở kinh doanh)         | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                             | Mã số thuế doanh nghiệp                     | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
|    |                                                                                             | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh     | x | x |  | nt                                   | x |                                                                                                                               | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |
| 27 | Thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa | Loại mẫu giấy chứng nhận xuất xứ (Form C/O) | x | x |  | Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày | x | A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành | 1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;<br>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;<br>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;<br>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;<br>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | nt                                                   | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21 |  |

|    |                                                                                              |                                                           |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                     |                                                                                        |         |                                                         |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                              | Cơ quan cấp chứng nhận                                    | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                     | nt      | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21  |  |
|    |                                                                                              | Họ và tên người ký                                        | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                     | nt      | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21  |  |
|    |                                                                                              | Mẫu chữ ký                                                | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                     | nt      | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21  |  |
|    |                                                                                              | Mẫu con dấu                                               | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                     | nt      | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21  |  |
|    |                                                                                              | Văn bản quy định ( <i>Văn bản cung cấp các nội dung</i> ) | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                     | nt      | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21  |  |
|    |                                                                                              | Hiệu lực áp dụng                                          | x | x |  | nt                                                                                                                                                 | x | nt                                                                                                                                  | nt                                                                                     | nt      | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20, 21  |  |
| 28 | Thông tin danh sách doanh nghiệp được cấp mã số kinh doanh tạm nhập – tái xuất theo quy định | Tên doanh nghiệp                                          | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | Điều 26 nghị định 69/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG | phù hợp | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                                                              | Mã số doanh nghiệp                                        | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                                                        |         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|  |  |                         |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                     |  |                                                         |  |
|--|--|-------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------|--|
|  |  | Mã số kinh doanh TNTX   | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|  |  | Tên hàng/mô tả hàng hóa | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|  |  | Mã số hàng hóa (HS)     | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|  |  | Cửa khẩu Nhập/Xuất      | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|    |                                                                                                                               |                           |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                     |                                                 |              |                                                         |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                                                               | Thông tin khác            | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                 |              | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
| 29 | Thông tin các dự án quan trọng quốc gia có sử dụng hàng hóa xuất, nhập khẩu ( hàng hóa là nguyên liệu, vật liệu, máy móc....) | Tên dự án                 | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP | Chưa rõ ràng | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                                                                                               | Mức đầu tư của dự án      | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                 |              | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                                                                                               | Thời gian thực hiện dự án | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                 |              | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|    |  |                                  |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                     |                                                 |              |                                                         |  |
|----|--|----------------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------|--|
|    |  | Thời gian hoàn thành dự án       | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                 |              | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |  | Tên chủ đầu tư                   | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                 |              | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |  | Mã số thuế của chủ đầu tư        | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                 |              | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
| 33 |  | Tên doanh nghiệp thực hiện dự án | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP | Chưa rõ ràng | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|    |                                                                                                                            |                                    |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                     |                                                                                              |         |                                                         |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                                                            | Mã số doanh nghiệp thực hiện dự án | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                                                              |         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                                                                                            | Địa chỉ                            | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                                                              |         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                                                                                            | Tên dự án                          | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |                                                                                              |         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
| 30 | Thông tin danh sách doanh nghiệp bị thu hồi mã số kinh doanh tạm nhập – tái xuất theo quy định tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP | Tên doanh nghiệp                   | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính | Điều 28 Nghị định 69/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. | Phù hợp | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|  |  |                         |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                     |  |                                                         |  |
|--|--|-------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------|--|
|  |  | Mã số doanh nghiệp      | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|  |  | Mã số kinh doanh TNTX   | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|  |  | Tên hàng/mô tả hàng hóa | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|  |  | Số quyết định thu hồi   | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |

|    |                                                                                                                      |                      |   |   |  |                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                         |                                                         |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                                                      | Ngày quyết định      | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
|    |                                                                                                                      | Lý do thu hồi        | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới | x | B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20, 21 |  |
| 31 | Thông tin vi phạm pháp luật hành chính của tổ chức có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu,xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. |                      | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |   | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậ dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục | Điều 27.Luật công nghệ thông tin 2006<br>Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 198/2009/TTLT-BTC-BCT-BKH ngày 09/10/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương - Bộ Kế hoạch Đầu tư Hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến người nộp thuế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp | Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này. | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20,21  |  |
|    |                                                                                                                      | Số quyết định        |   |   |  |                                                                                                                                                    |   | nt                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20,21  |  |
|    |                                                                                                                      | Ngày quyết định      |   |   |  |                                                                                                                                                    |   | nt                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20,21  |  |
|    |                                                                                                                      | Đơn vị ra quyết định |   |   |  |                                                                                                                                                    |   | nt                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20,21  |  |

|  |  |                                    |   |   |  |  |  |    |  |  |                                                       |  |
|--|--|------------------------------------|---|---|--|--|--|----|--|--|-------------------------------------------------------|--|
|  |  | Tên tổ chức                        |   |   |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Mã số thuế                         |   |   |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Hành vi vi phạm                    |   |   |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Tên hàng hóa                       |   |   |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Mã HS                              |   |   |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Thuộc Tờ khai hải quan số(nếu có)  |   |   |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Hình thức xử phạt (chính, bổ sung) |   |   |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Số tiền xử phạt                    | x | x |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Biện pháp khắc phục hậu quả        | x | x |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Trị giá tang vật                   | x | x |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|    |                                                                                                                              |                 |   |   |  |                                                                                                                                                    |  |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                         |                                                       |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|
| 32 | <b>Thông tin vi phạm pháp luật hành chính của cá nhân có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.</b> |                 | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tặn dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục | Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006<br>Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 198/2009/TTLT-BTC-BCT-BKH ngày 09/10/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương - Bộ Kế hoạch Đầu tư Hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến người nộp thuế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp | Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này. | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                                              | Số quyết định   | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tặn dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                                              | Ngày quyết định | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tặn dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|  |  |                      |   |   |  |                                                                                                                                                    |  |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |                                                       |  |
|--|--|----------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------|--|
|  |  | Đơn vị ra quyết định | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Tên người vi phạm    | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Số CMND/CCCD/HC      | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|  |  |                     |   |   |  |                                                                                                                                                    |  |                                                                                                                                                                                                                                                     |  |  |                                                       |  |
|--|--|---------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------|--|
|  |  | Mã số thuế (nếu có) | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậ dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Hành vi vi phạm     | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậ dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Tên hàng hóa        | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậ dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|  |  |                                    |   |   |  |                                                                                                                                                    |  |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |                                                       |  |
|--|--|------------------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------|--|
|  |  | Mã HS                              | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Thuộc Tờ khai hải quan số(nếu có)  | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Hình thức xử phạt (chính, bổ sung) | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|    |                                                                                                                  |                             |   |   |  |                                                                                                                                                    |  |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                           |                                         |                                                       |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                                                  | Số tiền xử phạt             | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậ dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |                                           |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                                  | Biện pháp khắc phục hậu quả | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậ dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục |                                           |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|    |                                                                                                                  | Trị giá tang vật            | x | x |  |                                                                                                                                                    |  | nt                                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |                                         | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
| 33 | Kết luận thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân (có hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh) |                             | x | x |  | X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới |  | C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậ dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục | Điều 27 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 | Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này. | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |

|  |  |                                    |  |  |  |  |  |    |  |  |                                                       |  |
|--|--|------------------------------------|--|--|--|--|--|----|--|--|-------------------------------------------------------|--|
|  |  | Mã số thuế/CMND/CCCD/HC            |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Tên doanh nghiệp/cá nhân           |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Số quyết định                      |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Ngày quyết định                    |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Thời gian tiến hành thanh tra      |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Nội dung thanh tra, kiểm tra       |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Kết luận (Vi phạm / không vi phạm) |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |
|  |  | Nội dung kết luận                  |  |  |  |  |  | nt |  |  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21 |  |